gāo wán

睾丸

noun · testicle

Example Sentences

Yī shēng jiǎn chá le tā de gāo wán fā xiàn méi yǒu wèn tí
医 生 检 查 了 他 的 睾 丸 ， 发 现 没 有 问 题 。

The doctor examined his testicles and found no problem.

Xióng xìng bǔ rǔ dòng wù yǒu liǎng gè gāo wán
雄 性 哺 乳 动 物 有 两 个 睾 丸 。

Male mammals have two testicles.

Trace each character, then write the word on your own.

睾 睾 睾 睾 睾 睾 睾 睾 睾 睾 睾

丸 丸 丸 丸 丸 丸